

Số: 7443/QĐ-UBND

Uông Bí, ngày 15 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 Hệ thống quản lý chất lượng;

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh v/v chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015 và duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO thành phố Uông Bí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống QLCL tại UBND thành phố Uông Bí phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong phụ lục ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định đã ban hành trước đây (là căn cứ để các phòng, ban vận hành hệ thống tài liệu QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015).

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, thành viên Ban Chỉ đạo ISO, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố và các đơn vị có liên quan căn cứ thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- CT, các PCT UBND TP (chỉ đạo);
- Ban Chỉ đạo ISO TP (thực hiện);
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Đăng tải công thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, BCD ISO.



CHỦ TỊCH

Phạm Tuấn Đạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Thành phố Uông Bí phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành Phố như: *Hộ tịch; Chứng thực, Nuôi con nuôi; Hòa giải cơ sở; Bồi thường nhà nước; Phổ biến giáo dục Pháp luật; Đất đai; Môi trường; Bảo trợ xã hội; Người có công; Bảo vệ, chăm sóc trẻ em; Thi đua, khen thưởng; Tín ngưỡng tôn giáo; Dân tộc; Giáo dục và đào tạo; Lĩnh vực khác; Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Văn hóa cơ sở; Thư viện; Thẻ dực thể thao; Thanh tra; Phòng chống thiên tai; Trồng trọt; Khoa học công nghệ; Thủy lợi; Đường thủy hàng hải; An toàn đập, hồ chứa thủy điện; Thuế.*

(Phụ lục Ban hành kèm theo Quyết định số: 7443/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Uông Bí).

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Uông Bí, ngày 15 tháng 11 năm 2022

CHỦ TỊCH



Phạm Tuấn Đạt

DANH MỤC TIÊU LƯU QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 CÔNG BỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 7443/QĐ-UBND ngày 15/3/2022
của UBND thành phố Uông Bí)

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
	QUY TRÌNH HỆ THỐNG		
1	Quy trình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua cơ chế “Một cửa”	QT01	
2	Quy trình theo dõi và đánh giá sự hài lòng của khách hàng	QT02	
	QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
A	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT (38 TTHC)		
	Lĩnh vực Thủy sản (08 TTHC)		
03	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	QT.KT-01	
04	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	QT.KT-02	
05	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	QT.KT-03	
06	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	QT.KT-04	
07	Xóa đăng ký tàu cá	QT.KT-05	
08	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.KT-06	
09	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.KT-07	
10	Công bố mở cảng cá loại 3	QT.KT-08	
	Lĩnh vực Thủy lợi (05 TTHC)		
11	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT.KT-09	
12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT.KT-10	
13	Thẩm định, phê duyệt đề cương phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT.KT-11	
14	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)	QT.KT-12	
15	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT.KT-13	
	Lĩnh vực Lâm nghiệp (03 TT)		

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
16	Xác nhận bảng kê lâm sản	QT.KT-14	
17	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	QT.KT-15	
18	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	QT.KT-16	
	Lĩnh vực Phát triển nông thôn (03 TT)		
19	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	QT.KT-17	
20	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	QT.KT-18	
21	Hỗ trợ dự án liên kết	QT.KT-19	
	Lĩnh vực An toàn hồ đập thủy điện (02 TT)		
22	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.KT-20	
23	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT.KT-21	
	Lĩnh vực công nghiệp địa phương (01 TTHC)		
24	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	QT.KT-22	
	Lĩnh vực công thương (09 TTHC)		
25	Cấp GP sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT-23	
26	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT-24	
27	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT-25	
28	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT-26	
29	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT-27	
30	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT-28	
31	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT-29	
32	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT-30	
33	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT-31	
	Lĩnh vực kinh doanh khí (03 TTHC)		
34	Cấp GCN đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT-32	
35	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT-33	
36	Cấp lại GCN đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT-34	
	Lĩnh vực khoa học công nghệ (1 TTHC)		
37	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT.KT-35	
	Lĩnh vực Nông lâm sản và thủy sản (03 TTHC)		
38	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	QT.KT-36	



STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
39	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	QT.KT-37	
40	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	QT.KT-38	
B	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (45TT)		
	Lĩnh vực đất đai - giao dịch đảm bảo		
41	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân cấp huyện	QT-TNMT-01	
42	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT-TNMT-02	
43	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.	QT-TNMT-03	
44	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình cá nhân	QT-TNMT-04	
45	Thủ tục Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT-TNMT-05	
46	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.	QT-TNMT-06	
47	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT-TNMT-07	
48	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận(đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ thân nhân, địa chỉ; giảm diện tích đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất, thay đổi về nghĩa vụ tài chính, thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	QT-TNMT-08	
49	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	QT-TNMT-09	
50	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT-TNMT-10	
51	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đối với trường hợp có nhu cầu	QT-TNMT-11	
52	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	QT-TNMT-12	
53	Thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất	QT-TNMT-13	



STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
54	Thủ tục đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp	QT-TNMT-14	
55	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng quy định của pháp luật do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT-TNMT-15	
56	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT-TNMT-16	
57	Thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thừa đất gốc chưa được cấp GCN	QT-TNMT-17	
58	Thủ tục Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu đồng thời là người sử dụng đất	QT-TNMT-18	
59	Thủ tục đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	QT-TNMT-19	
60	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý	QT-TNMT-20	
61	Thủ tục Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng QSD đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	QT-TNMT-21	
62	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành chung của vợ và chồng, tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có giấy chứng nhận	QT-TNMT-22	
63	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT-TNMT-23	
64	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	QT-TNMT-24	
65	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT-TNMT-25	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
66	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận QSD đất hoặc cấp lại trang bổ sung giấy chứng nhận do bị mất	QT-TNMT-26	
67	Thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép	QT-TNMT-27	
68	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đôn điền đổi thửa” đồng loạt	QT-TNMT-28	
69	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (trường hợp không phải cưỡng chế)	QT-TNMT-29	
70	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (trường hợp không phải cưỡng chế)	QT-TNMT-30	
71	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký tài sản gắn liền với đất)	QT-TNMT-31	
72	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	QT-TNMT-32	
73	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	QT-TNMT-33	
74	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	QT-TNMT-34	
75	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	QT-TNMT-35	
76	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	QT-TNMT-36	
77	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QT-TNMT-37	
78	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	QT-TNMT-38	
79	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	QT-TNMT-39	
	Lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước		
80	Cấp giấy phép môi trường	QT-TNMT-40	
81	Cấp đổi giấy phép môi trường	QT-TNMT-41	
82	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	QT-TNMT-42	
83	Cấp lại Giấy phép môi trường		
84	Thủ tục lấy ý kiến ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT-TNMT-43	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
85	Đăng ký công trình khai thác nước dưới đất	QT-TNMT-44	
C	LĨNH VỰC TƯ PHÁP (31 TTHC)		
	Lĩnh vực Hộ tịch		
86	Quy trình đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-TP-01	
87	Quy trình đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-TP-02	
88	Quy trình đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-TP-03	
89	Quy trình đăng ký đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-TP-04	
90	Quy trình đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-TP-05	
91	Quy trình đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-TP-06	
92	Quy trình đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-TP-07	
93	Quy trình thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-TP-08	
94	Quy trình ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP-09	
95	Quy trình ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP-10	
96	Quy trình đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-TP-11	
97	Quy trình đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-TP-14	
98	Quy trình đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-TP-13	
99	Quy trình đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-TP-12	
100	Quy trình Cấp bản sao trích lục hộ tịch.	QT-TP-30	
	Lĩnh vực hòa giải cơ sở		
101	Quy trình thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT-TP-15	
	Lĩnh vực chứng thực		
102	Quy trình chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-TP-24	
103	Quy trình chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-TP-25	
104	Quy trình chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là	QT-TP-18	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
	cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp		
105	Quy trình chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-TP-19	
106	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ	QT-TP-26	
107	Quy trình chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-TP-20	
108	Quy trình Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-TP-22	
109	Quy trình chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-TP-21	
110	Quy trình chứng thực sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-TP-28	
111	Quy trình chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ trong hợp đồng, giao dịch	QT-TP-27	
112	Quy trình cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-TP-29	
113	Quy trình cấp bản sao từ sổ gốc	QT-TP-23	
114	Thủ tục ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP-31	
	Lĩnh vực BTNN		
115	Quy trình giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-TP-16	
116	Quy trình Phục hồi danh dự	QT-TP-17	
D	LĨNH VỰC NỘI VỤ (29 TT)		
117	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-NV-01	
118	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến	QT-NV-02	
119	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND thành phố cho gia đình	QT-NV-03	
120	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	QT-NV-04	
121	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-NV-05	
122	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-NV-06	
123	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích đợt xuất	QT-NV-07	
124	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về khen thưởng đối ngoại	QT-NV-08	
125	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT-NV-09	
126	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT-NV-10	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
127	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT-NV-11	
128	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT-NV-12	
129	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT-NV-13	
130	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT-NV-14	
131	Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội	QT-NV-15	
132	Thủ tục thành lập hội	QT-NV-16	
133	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	QT-NV-17	
134	Thủ tục chia tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT-NV-18	
135	Thủ tục đổi tên hội	QT-NV-19	
136	Thủ tục hội tự giải thể	QT-NV-20	
137	Thủ tục báo cáo Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường	QT-NV-21	
	Thủ tục báo cáo đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường (Trường hợp không phải lấy ý kiến các cơ quan liên quan)		
	Thủ tục báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường (Trường hợp phải lấy ý kiến các cơ quan liên quan)		
138	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	QT-NV-22	
139	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã, phường thuộc thành phố	QT-NV-23	
140	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã, phường thuộc thành phố	QT-NV-24	
141	Thủ tục thông báo tổ chức Hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở thành phố	QT-NV-25	
142	Thủ tục đề nghị tổ chức Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở thành phố	QT-NV-26	
143	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở thành phố.	QT-NV-27	
144	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở thành phố.	QT-NV-28	
145	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn xã, phường nhưng trong địa bàn thành phố của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT-NV-29	
E	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÔ THỊ (18 TT)		
	Lĩnh vực xây dựng (3TT)		
146	Quy trình Thủ tục Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng/báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng điều	QT-XD-01	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
	chính (do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư)		
147	Quy trình Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT-XD-02	
148	Quy trình Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT-XD-03	
	Lĩnh vực Quy hoạch (5TT)		
149	Quy trình Thủ tục Thỏa thuận/Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết; Thiết kế đô thị riêng)	QT-QH-01	
150	Quy trình Thủ tục Thỏa thuận/Thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết; Thiết kế đô thị riêng)	QT-QH-02	
151	Quy trình Thỏa thuận/Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-QH-03	
152	Quy trình Thỏa thuận/Thẩm định, phê duyệt (chấp thuận) Tổng mặt bằng (kèm phương án kiến trúc công trình), Tổng mặt bằng công trình hạ tầng kỹ thuật theo tuyến thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-QH-04	
153	Quy trình Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-QH-05	
	Lĩnh vực Giao thông vận tải (10 TT)		
154	Quy trình Đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-GTĐT-01	
155	Quy trình Đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-GTĐT-02	
156	Quy trình Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-GTĐT-03	
157	Quy trình Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT-GTĐT-04	
158	Quy trình Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu (nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)	QT-GTĐT-05	
159	Quy trình Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu và thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-GTĐT-06	
160	Quy trình Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa dùng cho chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-GTĐT-07	
161	Quy trình Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-GTĐT-08	
162	Quy trình Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-GTĐT-09	
163	Quy trình Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT-GTĐT-10	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
H	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH (26 TTHC)		
	Lĩnh vực hợp tác xã		
164	Đăng ký hợp tác xã	QT-TCKH-01	
165	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-TCKH-02	
166	Đăng ký thay đổi nội dung của hợp tác xã	QT-TCKH-03	
167	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-TCKH-04	
168	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT-TCKH-05	
169	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT-TCKH-06	
170	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT-TCKH-07	
171	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT-TCKH-08	
172	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	QT-TCKH-09	
173	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	QT-TCKH-10	
174	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-TCKH-11	
175	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT-TCKH-12	
176	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-TCKH-13	
177	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-TCKH-14	
178	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	QT-TCKH-15	
179	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT-TCKH-16	
180	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện (khi bị mất)	QT-TCKH-22	
181	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	QT-TCKH-23	
182	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	QT-TCKH-24	
	Lĩnh vực hộ kinh doanh cá thể		
183	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-TCKH-17	
184	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-TCKH-18	
185	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	QT-TCKH-19	
186	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-TCKH-20	
187	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT-TCKH-21	
	Lĩnh vực quản lý công sản		
188	Mua hóa đơn lẻ	QT-TCKH25	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
189	Mua quyền hóa đơn	QT-TCKH26	
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO (32)		
190	Quy trình Cho phép trường THCS hoạt động trở lại	QT-GDĐT-01	
191	Quy trình Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-GDĐT-02	
192	Quy trình Cho phép trường PTDTBT hoạt động giáo dục	QT-GDĐT-03	
193	Quy trình công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-GDĐT-04	
194	Quy trình chuyển đổi trường PTDT bán trú	QT-GDĐT-05	
195	Quy trình cho phép trường TH hoạt động giáo dục trở lại	QT-GDĐT-06	
196	Quy trình cho phép Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-GDĐT-07	
197	Quy trình cho phép trường PTDT nội trú có cấp học cao nhất là THCS hoạt động giáo dục	QT-GDĐT-08	
198	Quy trình cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-GDĐT-09	
199	Quy trình công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-GDĐT-10	
200	Quy trình đánh giá, xếp loại cộng đồng học tập cấp xã	QT-GDĐT-11	
201	Quy trình xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường TH, THCS ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn	QT-GDĐT-12	
202	Quy trình Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT-GDĐT-13	Sửa tên
203	Quy trình hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	QT-GDĐT-14	Sửa tên
204	Quy trình thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT-GDĐT-15	
205	Quy trình thành lập trường THCS công lập hoặc cho phép thành lập trường THCS tư thục	QT-GDĐT-16	
206	Quy trình cho phép trường THCS hoạt động giáo dục	QT-GDĐT-17	
207	Quy trình sát nhập, chia tách trường THCS	QT-GDĐT-18	
208	Quy trình giải thể trường THCS theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập	QT-GDĐT-19	
209	Quy trình thành lập trường THCL, cho phép thành lập trường THPT	QT-GDĐT-20	
210	Quy trình sáp nhập, chia, tách trường Tiểu học	QT-GDĐT-21	
211	Quy trình giải thể trường tiểu học theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập	QT-GDĐT-22	
212	Quy trình cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-GDĐT-23	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
213	Quy trình thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực	QT-GDĐT-24	
214	Quy trình cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-GDĐT-25	
215	Quy trình sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo mầm non, trường mầm non, nhà trẻ	QT-GDĐT-26	
216	Quy trình giải thể trường mẫu giáo mầm non, trường mầm non, nhà trẻ theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập	QT-GDĐT-27	
217	Quy trình chuyển trường đối với học sinh THCS	QT-GDĐT-28	
218	Quy trình chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	QT-GDĐT-29	
219	Quy trình chuyển đổi trường tiểu học tư thực, trường THCS tư thực và trường phổ thông tư thực có cấp học cao nhất là THCS do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	QT-GDĐT-30	
220	Quy trình Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT-GDĐT-31	
221	Quy trình Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp	QT-GDĐT-32	
K	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG TB&XH (21 TTHC)		
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội		
222	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-LĐTBBXH-01	
223	Thủ tục Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thành phố, thành phố thuộc tỉnh	QT-LĐTBBXH-02	
224	Thủ tục Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thành phố, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-LĐTBBXH-03	
225	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-LĐTBBXH-04	
226	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-LĐTBBXH-05	
227	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	QT-LĐTBBXH-06	
228	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã	QT-LĐTBBXH-07	



STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
	hội.		
229	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	QT-LĐTBBXH-08	
230	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	QT-LĐTBBXH-09	
231	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.	QT-LĐTBBXH-10	
232	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc.	QT-LĐTBBXH-11	
233	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng.	QT-LĐTBBXH-12	
	Lĩnh vực Lao động, Tiền lương, quan hệ lao động		
234	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (doanh nghiệp dân doanh).	QT-LĐTBBXH-15	
	Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội		
235	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân.	QT-LĐTBBXH-16	
	Lĩnh vực bảo vệ chăm sóc trẻ em		
236	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em.	QT-LĐTBBXH-17	
237	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	QT-LĐTBBXH-18	
	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp		
238	Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.	QT-LĐTBBXH-19	
	Lĩnh vực Người có công		
239	Thủ tục thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-LĐTBBXH-20	
	Lĩnh vực cai nghiện ma túy		
240	Thủ tục công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-LĐTBBXH-21	
241	Thủ tục công bố lại tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-LĐTBBXH-22	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
242	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-LĐTBXH-23	
L	LĨNH VỰC Y TẾ (4 TTHC)		
243	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	QT-YT-01	
244	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	QT-YT-02	
245	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi bị rách, hỏng, mất	QT-YT-03	
246	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của ngành Y tế	QT-YT-04	
M	LĨNH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN (25 TTHC)		
	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở		
247	Đăng ký tổ chức Lễ hội	QT-VHTT-01	
248	Thông báo tổ chức Lễ hội	QT-VHTT-02	
249	Xét tặng danh hiệu khu dân cư văn hoá hàng năm	QT-VHTT-03	
250	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT-VHTT-04	
251	Công nhận lần đầu "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	QT-VHTT-05	
252	Công nhận lại "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	QT-VHTT-06	
253	Công nhận lần đầu "Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	QT-VHTT-07	
254	Công nhận lại "Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	QT-VHTT-08	
255	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	QT-VHTT-09	
256	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	QT-VHTT-10	
	Lĩnh vực thư viện		
257	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	QT-VHTT-11	
	Lĩnh vực gia đình		
258	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-VHTT-12	
259	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-VHTT-13	
260	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-VHTT-14	
261	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-VHTT-15	
262	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-VHTT-16	
263	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn	QT-VHTT-17	

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ SỐ	GHI CHÚ
	về phòng, chống bạo lực gia đình		
	Lĩnh vực viễn thông và Internet		
264	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT-18	
265	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT-19	
266	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT-20	
267	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT-21	
	Lĩnh vực xuất bản		
268	Thủ tục khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT-VHTT-22	
269	Thủ tục thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT-VHTT-23	
	Lĩnh vực thư viện trường học		
270	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục	QT-VHTT-24	
271	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non cơ sở giáo dục phổ thông cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục	QT-VHTT-25	
	LĨNH VỰC THANH TRA (3 TTHC)		
272	Quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-TTr-01	
273	Quy trình giải quyết khiếu nại lần hai	QT-TTr-02	
274	Quy trình giải quyết tố cáo	QT-TTr-03	
	LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ (2TT)		
275	Thủ tục tiếp công dân	QT-VP-01	
276	Thủ tục xử lý đơn thư	QT-VP-02	